

Bản án số: 146/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19 – 7 – 2019

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Thanh L, sinh năm 1980. Cư trú tại: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị M, sinh năm 1985. Cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Huỳnh Thanh L và chị Phan Thị M tự nguyện chung sống vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng không thành nên đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Quá trình chung sống có 01 người con tên Huỳnh Minh Th, sinh ngày 18/6/2002 do chị M đang nuôi dưỡng; các đương sự không có tài sản và không nợ người khác.

Từ nguyên nhân trên các đương sự xác định không thể tiếp tục quy lại chung sống nên đồng ý ly hôn với nhau. Các đương sự thống nhất giao Minh Th cho chị

M tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Về các vấn đề khác các đương sự xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Huỳnh Thanh L và chị Phan Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Anh L và chị M chung sống năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng không thành nên đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Từ nguyên nhân trên, các đương sự xác định không thể quay lại hàn gắn chung sống trở lại nên đồng ý ly hôn với nhau.

Xét việc đồng ý ly hôn với nhau của các đương sự thấy rằng: Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không công nhận việc đồng ý ly hôn giữa các đương sự mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự này là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Các đương sự thỏa thuận giao Huỳnh Minh Th, sinh ngày 18/6/2002 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, việc thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của Minh Th và không trái pháp luật nên được chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về các vấn đề khác: Không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Huỳnh Thanh L và chị Phan Thị M.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao Huỳnh Minh Th, sinh ngày 18/6/2002 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009532 ngày 24/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn